

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2025/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Quy định mức học phí, hỗ trợ học phí
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2025 - 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 2075/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức học phí, hỗ trợ học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2025 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức học phí, hỗ trợ học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2025 - 2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên; phân loại vùng để áp dụng mức học phí, hỗ trợ học phí; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2025 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên - tin học, ngoại ngữ công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập*) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

c) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

d) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức học phí; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2025 - 2026

1. Phân loại vùng để áp dụng mức học phí, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh

Các xã, phường, đặc khu được phân thành 03 loại vùng để áp dụng mức học phí, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Vùng 1: Các xã khu vực II, khu vực III theo quy định hiện hành thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ và đặc khu Côn Cỏ.

b) Vùng 2: Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh không thuộc Vùng 1 tại điểm a khoản này.

c) Vùng 3: Các phường thuộc tỉnh.

2. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên từ năm học 2025 - 2026

a) Mức học phí năm học 2025 - 2026 (theo hình thức học trực tiếp):

Đơn vị: Đồng/người học/tháng

| Cấp học Địa bàn | Mầm non | Tiểu học | Trung học cơ sở | Trung học phổ thông |
|----------------------------------|----------------|-----------------|------------------------|----------------------------|
| Vùng 1 | 140.000 | 110.000 | 120.000 | 140.000 |
| Vùng 2 | 180.000 | 140.000 | 150.000 | 170.000 |
| Vùng 3 | 220.000 | 170.000 | 180.000 | 200.000 |

Mức học phí quy định tại điểm này là căn cứ để xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông.

b) Từ năm học 2026 - 2027 đến năm học 2035 - 2036, mức học phí hằng năm điều chỉnh tăng 5%/năm so với mức trần học phí năm học 2025 - 2026 quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Mức học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

c) Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (học online): Bằng 50% mức học phí theo hình thức học trực tiếp cùng thời điểm.

3. Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục: Bằng mức học phí đối với từng cấp học tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thấp hơn mức học phí quy định tại khoản 2 Điều này thì hỗ trợ theo mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Mức học phí, mức hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ đầu năm học 2025 -2026.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2025. Mức học phí, mức hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ năm học 2025 - 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 58/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025; Nghị quyết số 74/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang